

Số: **573** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **06** tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài  
nguồn ngân sách trung ương năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022; số 236/QĐ-TTg ngày 21/02/2022 về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2);*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương; số 167/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2) và số 200/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1309/SYT-KHTC ngày 19/5/2022, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1539/SNNPTNT-KHTC ngày 17/5/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1043/SKHĐT-KGVX ngày 31/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2022 (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch vốn điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định và thanh toán bảo đảm hoàn thành kế hoạch vốn được giao trong năm 2022.

2. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi thực hiện việc kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, cập nhật vào kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2022 của Tỉnh để gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, theo dõi theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại các Quyết định: Số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 và số 200/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHthuc212

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Đặng Văn Minh**

**PHỤ LỤC**  
**ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022**  
*(Kèm theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*



TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Tổng số nguồn vốn	TMĐT												Đầu mối giao kế hoạch	Ghi chú
				Trong đó:													
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Quy đổi ra tiền Việt (triệu đồng)		Kế hoạch vốn nước ngoài đã giao năm 2022 (vốn NSTW cấp phát)		Điều chỉnh		Kế hoạch vốn nước ngoài năm 2022 (vốn NSTW cấp phát) sau điều chỉnh			
Tổng số	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW cấp phát	Vay lại	Tăng (+)	Giảm (-)	14=11+12-13	15	16						
1	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi	439/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	220.708	44.551	0	775	176.158	52.847	123.310	20.579	0	3.380	17.199	Số Y tế			
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) (Quảng Ngãi)	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 546/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; 912/QĐ-UBND, 11/6/2018; 1117/QĐ-UBND ngày 05/8/2020; 354/QĐ-UBND ngày 19/3/2019	337.725	50.208	0	12.625	287.517	215.638	71.879	19.122	3.380	0	22.502	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>558.433</b>	<b>94.759</b>			<b>463.675</b>	<b>268.485</b>	<b>195.189</b>	<b>39.701</b>	<b>3.380</b>	<b>3.380</b>	<b>39.701</b>				

Đơn vị: Triệu đồng